

Quan niệm Tam Tài với con người

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Dưới nhan đề này, tôi sẽ dùng quan niệm Tam Tài để tìm hiểu về con người và để phân loại các Đạo giáo. Bàn về con người tuy là một vấn đề hết sức thông thường, quen thuộc, nhưng không bao giờ vô ích.

Sopocles xưa đã nói: «Dầu trong vũ trụ này có gì đáng quý báu, đáng tôn sùng nhất đi chăng nữa, thì cũng chẳng có gì đáng quý báu, đáng tôn sùng hơn con người.» [\[1\]](#)

Nhưng nếu con người đáng quý báu, đáng tôn sùng nhất, thì con người cũng là cái gì khó hiểu nhất từ xưa đến nay. Từ bao thế hệ nay, chúng ta am hiểu về con người, nhưng cho đến nay, con người vẫn còn là một vấn đề khó hiểu. Thật đúng như câu ca dao:

Sông kia còn có kẻ đo,
Lòng người, ai dễ mà dò sâu nông.

Chúng ta thực ra chẳng ai dám nói là đã biết rõ mình. Ta thấy mặt mũi người khác, bóng dáng người khác, nhưng mà oái oăm thay, mặt mũi ta, bóng dáng ta, ta phải mượn gương, mượn nước, mượn máy ảnh, mới nhìn ra được.

Như thế tức là, ngay con người phiến diện của ta đã hết sức xa lạ với ta rồi. Chúng ta dùng nó hằng ngày, mà thực ra chẳng biết nó hình thù ra sao, hoạt động ra sao. Đọc câu ca dao sau đây sẽ rõ:

Đàn ông năm, bảy lá gan,
Lá ở cùng vợ, lá toan cùng người !

Đến như óc, chất trí não, tâm tư chúng ta, thì ta lại càng mù tịt. Cho đến cuối thế kỷ 20, người ta vẫn tưởng rằng, chúng ta yêu bằng tim – bằng con tim thịt nằm trong lồng ngực – vì thấy nó hồi hộp, khi ta rung động, cảm xúc. Nhưng bây giờ thấy trong các bệnh viện, người ta thay tim rằm rằm, thay bằng tim thật, tim giả, thay van tim, mới vỡ lẽ ra rằng mình đã lầm. Gần đây, triết học Âu Châu còn khám phá ra rằng dưới lớp ý thức, còn có vô thức – hoặc là tiềm thức, hoặc là Vô thức đại đồng. Khám phá mới mẻ này thật ra chỉ mới mẻ cho Âu Châu, chứ Á Châu, từ mấy ngàn năm nay đã bàn hoài về vấn đề này, dưới những danh từ khác như: Đại Ngã, Tiểu Ngã; Chân Tâm, Vọng Tâm; Nguyên Thần, Thức Thần; Thiên địa chi tính, khí chất chi tính, v.v.

Tóm lại, ta quả thật là một con người xa lạ đối với ta. Hằng ngày, ta sống kề cận với ta, với tâm tư ta, mà ta chẳng biết tâm tư ta ra sao.

Hằng ngày, ta khoe ta thế này, ta thế nọ, nhưng đến khi hỏi ta là ai, ta là gì, thì ta đành chịu không biết trả lời ra làm sao.

Chính vì thế, khi đem quan niệm Tam Tài, để soi rọi vào vấn đề con người, tôi thấy mình đã không làm một chuyện vô ích. Đó chính là một cách suy tư, tìm hiểu về mình. Mà có chịu suy tư, tìm hiểu về mình, mới có thể biết mình, biết Trời.

Mạnh Tử viết:

Thấu triệt lòng, sẽ hay biết Tính
Hay biết Tính, nhất định biết Trời.

Tồn tâm dưỡng tánh chẳng rời,
 ấy là giữ đạo, thờ Trời chẳng sai. [2]

Trung Dung cũng viết:

Biết người, trước phải biết Trời.

Hiểu Trời chẳng nổi, hiểu Người làm sao? [3]

Chia con người thành 3 phần, chỉ là một cách chia để tiện việc học hỏi. Khi cần tôi cũng có thể chia con người thành 7, thành 10. Nhưng dấu sao, thì chia con người làm ba thành phần cũng đã giúp cho chúng ta có một cái nhìn khá chính xác, khá đúng đắn về con người.

Trước đây trong bài THÂN THỂ VÀ ĐỊNH MỆNH CON NGƯỜI trong Đất Nước Tôi số 13, tôi đã kể lại hành trình của tôi từ quan điểm nhị nguyên – con người có Hồn có Xác – đến quan niệm Tam Tài – con người có Xác, Hồn, Thần. Đại khái tôi đã kể lại rằng: tôi đã tìm ra được quan niệm Tam Tài trong mấy giây đồng hồ giác ngộ tâm linh và từ khi biết được trong lòng có Đạo có Trời, cuộc đời tôi đã chuyển hóa hết sức là mãnh liệt.

Quan niệm Nhị Nguyên, tôi học được do truyền thống xã hội; Quan niệm Tam Tài tôi học được do giác ngộ tâm linh. Nhưng nói cho đúng hơn, lẽ Nhất Quán của Trời đất mới là điều rất ráo mà tôi đã lĩnh hội được.

Sau khi nhận ra rằng con người có ba phần: Tính (Thần), Hồn, Xác, tôi lại thấy được rằng: Các tôn giáo, tuy khác nhau bề ngoài, nhưng chung qui là đưa con người tới Thiên Đạo, tới Đại Đạo. Thiên Đạo, Đại Đạo hoàn toàn ở trong nội tâm ta, nó chính là đường đi từ Hồn, đến Thần, biến hóa Hồn con người thành Thần trời đất.

Trời, Đạo Trời hằng tiềm ẩn trong lòng ta, và không hề rời ta một phút giây.

Những quan niệm trên đã đến với tôi hết sức là bất ngờ, nhưng hết sức là mãnh liệt. Và riêng tôi, tôi coi đó là một đại hồng ân mà Thượng Đế đã ân tứ cho tôi.

Tôi nhận định thêm rằng từ trước tới nay, tôi đã đánh mất chiều kích sâu xa, cao đại của con người, mà chỉ mới sống hời hợt trên bình diện nhân tâm, chưa hề có ý tưởng, hay ước mơ sống vươn vượt lên trên cái Nhân tâm, chưa hề có ý tưởng đạt tới Thiên tâm. Và tôi tự nhủ rằng từ trước đến nay tôi đã sống mơ màng, ỳ ạch, không biết được chính bản thân mình.

Tuy nhiên, theo đúng tinh thần khoa học, tôi thấy những điều tôi vừa lĩnh hội được khi ấy, nếu đem chia sẻ với chúng nhân, thì sẽ bị coi như là một giả thuyết. Nên tôi thấy nó còn cần được chứng minh.

Như quý vị đã thấy: Điều tôi được truyền dạy là:

Dưới lớp nhân tâm, còn có Thiên tâm, Thiên tính. Cho nên con người thực ra có 3 phần chính yếu:

Đi từ trong ra đến ngoài, ta có:

1- Phần Tính, phần Thiên Tính, hay phần Thiên, phần Trời phần Thần vĩnh cửu, làm căn cốt.

2- Phần Tâm, hay phần Nhân Tâm, tức là phần Nhân, phần Người, phần Hồn gồm trí lực, thất tình lục dục, bao phủ bên ngoài phần Thiên.

3- Phần ngoài cùng là phần xác, phần Địa, phần Đất, phần vật, đóng vai trò hỗ trợ, bao bọc cho các phần cao quý bên trong, chẳng khác nào phần vỏ bên ngoài nơi cây, nơi quả.

Mục đích chân chính và cao siêu nhất của các đạo giáo là làm sao dạy con người rũ bỏ được phần

xác, phần hồn, biến thiên, luân lạc trong vòng sinh tử, và chỉ giữ lại phần Thiên, vĩnh cửu và bất tử, y thức như một vệ tinh nhân tạo, càng lên cao, càng phải vất đi dần dần những phần phụ thuộc không còn cần thiết, mới có thể thoát vòng áp lực của khí quyển, mà đi vào không gian.

Hôm nay, khi viết đến vấn đề rất quan trọng này, một vấn đề đi ngược lại với quan điểm của quần chúng, tôi liền cầu chúg thánh hiền. Phép cầu chúg thánh hiền muôn thừa của tôi rất giản dị. Tôi nhìn quanh quất thấy một quyển sách nào mà mắt tôi nhìn thấy, liền cầm lên, và dở ra đọc. Trong trường hợp này, tôi rút ra quyển Thiên học, bộ thượng, do Suzuki viết và Trúc Thiên dịch. Tôi dở ra trúng vào trang 276, mà tôi chưa từng đọc, thấy có đoạn viết như sau:

Một thầy Bà la môn tên là Móng Tay Đen mang đến cúng Phật hai cây bông nguyên cành rễ khổng lồ, thầy dùng phép thần thông nắm chặt mỗi tay một cây. Phật gọi tên, thầy dạ. Phật liền bảo: «Buông xuống đi». Thầy Bà la môn bỏ cây hoa tay trái xuống trước mặt Phật. Phật lại bảo buông xuống nữa. thầy bỏ luôn cả cây hoa tay mặt. Phật lại bảo buông nữa. Thầy Bà la môn bạch: «Tôi có gì đâu nữa mà buông bỏ. Phật muốn dạy gì?» Phật đáp: «Tôi không hề bảo thầy buông hết mấy cây hoa, tôi bảo thầy bỏ là bỏ sáu căn, sáu trần, sáu thức. Khi thầy bỏ được hết đến không có gì nữa để bỏ, đó là lúc thầy thoát ly tất cả ràng buộc của sanh tử, luân hồi...»

Như vậy cái nhìn của tôi bây giờ chính là cái nhìn mà Phật xưa đã có, và ý nghĩ của tôi đã được sự hưởng ứng, sự đồng vọng của Tiên Phật muôn đời.

Sau đó, ngẫu nhiên tôi lại đọc một đoạn của Đại sư Paramahansa Yogananda tự thuật lại kinh nghiệm của một lần ông xuất thần đầu tiên. Ông tả rằng: «...Tôi thấy rằng từ Trung điểm thiên cung, tức là từ trung điểm Linh đài tôi, tung tỏa ra muôn ánh hào quang soi cùng Vũ trụ. Nguồn sống vĩnh cửu, như quỳnh tương tiên tửu rạo rức trong tôi. Âm thanh sáng tạo của Thượng Đế, tôi nghe thành chữ Aum chuyển rung trời đất...Nhưng bỗng đâu phổi tôi bắt đầu thở lại. Tôi rất thất vọng vì thấy rằng, cái bao la vô cùng tận của tôi đã mất. Tôi lại trở về cái xác thân hữu hạn của tôi, chẳng xứng chút nào với Thần con người. Tôi như một đứa con hoang đàng đã từ bỏ đại thể vô biên, mà giam mình vào trong tiểu thể hữu hạn...» [4]

Tôi cho đây không phải là một sự trùng hợp ngẫu nhiên, mà chính là khi lòng mình mà thành sẽ cảm động được trời đất, khi ý mình mà thành, thì thần mình sẽ phụ họa. Trở lại vấn đề, điều mà tôi cần chứng minh là con người có ba phần Thần, Hồn, Xác. Để chứng minh vấn đề này, tôi sẽ dùng thánh thư các đạo giáo kỳ thư bí điển trong thiên hạ văn chương triết học và ngôn ngữ Đông Tây. Sự tương đồng tìm ra sẽ là ấn chứng cho một chân lý phổ quát, đại đồng.

Thuyết Tam Tài với Khổng giáo



Nhờ dùng chìa khóa Tam Tài tôi mới mở ra được kho tàng Khổng giáo. Khổng giáo nhận con người có 3 phần: Xác, Hồn, Thần. Nhưng danh từ Khổng giáo dùng hơi khác:

- Xác
- Tâm, Nhân tâm, Nhân dục, Khí chất chi tính.
- Tính, Thiên tính, Thiên tâm, Thiên địa chi Tính, Đạo tâm, Trung.

Kinh Thư, Thiên Đại Vũ Mô, kể lại rằng khi vua Nghiêu truyền ngôi cho vua Thuấn, đã truyền luôn cả tâm ấn sau:

Nhân tâm duy nguy,	人心惟危
Đạo tâm duy vi,	道心惟微
Duy tinh, duy nhất,	惟精惟一
Doãn chấp, quyết trung.	允執厥中

Tôi dịch:

Lòng của Trời siêu vi, huyền ảo,
 Lòng con người điên đảo, ngả nghiêng.
 Tinh ròng, chuyên nhất ngày đêm,
 Ra công, ra sức giữ nguyên lòng Trời
 Mạnh Tử cũng phân biệt Tâm và Tính.

Trong sách Mạnh Tử, chương Tận tâm hạ, ông đã viết: «Tận kỳ tâm giả tri kỳ Tính dã; tri kỳ Tính tắc tri Thiên hĩ.» 盡其心者, 知其性也. 知其性, 則知天矣.

Dịch:

Thấu triệt lòng sẽ hay biết Tính,

Hay biết Tính nhất định biết Trời.

Chính vì Khổng tử và Mạnh tử hiểu rằng con người có Thiên tính nên đã chủ trương: Nhân chi sơ, tính bản thiện. Tống Nho sau này, hay dùng chữ Thiên địa chi tính để chỉ Thiên Tính, và Khí chất chi tính để chỉ nhân tâm, nhân dục.

Thuyết Tam Tài với Bà La Môn giáo



Bà La Môn giáo từ xa xưa vốn đã chia con người ra làm ba thành phần:

- Xác (thô thân)
- Nhân tâm (Jiva) (tế thân)
- Brahman, Atman, Ngã tuyệt đối (Absolute Self, Metaphysical Self).

Bà La Môn gọi hồn con người là Tiểu Ngã, Thần con người là Đại Ngã hay Atman.

Atman hay Thượng Đế ngự trị trong tâm khảm con người cũng chính là Brahman, Tuyệt đối thể trong vũ trụ. Đối với Bà La Môn; con người chân thực của ta không phải là Tiểu Ngã nhỏ nhoi, mà là Đại Ngã vô biên tế. Tat tvam Asi = Con chính là Cái Đó; nghĩa là con chính là Atman, là Đại Ngã bất khả tư nghị.

Katha Upanishad viết: «Đại Ngã trở cửa giác quan ra phía ngoài, cho nên người ta nhìn ra ngoài, mà không biết nhìn vào trong lòng mình. Có vài kẻ khôn ngoan trong khi đi tìm trường sinh, bất tử, nhờ nội quan quán chiếu, đã trực diện quan chiêm được Đại Ngã.» [5]

Chandogya Upanishad viết: «Bao quát mọi hoạt động, bao quát mọi ước mơ, bao quát mọi hương vị, bao quát cả hoàn vũ này, mà vẫn vô ngôn, vô ý, đó là Đại Ngã của tôi, lồng trong tâm khảm tôi, đó là Brahman Thượng Đế. Sau khi từ biệt cõi trần này, tôi sẽ thể nhập vào trong Ngài...» [6]

Radhakrishnan, cựu Tổng Thống ấn Độ, cũng là một đại triết gia lừng danh quốc tế, đã viết: «Chân thể, lồng trong tâm khảm muôn loài, chính là tinh hoa tâm hồn con người. Bé hơn hết mọi sự, mà cũng lớn hơn hết mọi sự, tinh hoa ấy tiềm ẩn trong tâm vạn hữu. Cái học thuyết làm cho bộ kinh ÁO NGHĨA THU được nhiều người trên thế giới hay biết, đó là học thuyết TA T TVAM ASI (Con Là Cái Đó). VĨNH CỬU đã ở ngay trong con người, THẦN LINH đã ngự trị nơi tâm khảm con người. Vị THỦY TỔ Muôn Loài, mà ngũ quan chẳng biết, chẳng hay, mà bao lớp lang hiện tượng như những bức màn vân vụ đã làm khuất lấp; vị Thủy Tổ ấy vẫn ngự trị, vẫn sống động trong tâm hồn con người...» [7]

Thuyết Tam Tài với Phật giáo



Phật giáo cũng phân biệt nơi con người Vọng tâm và Chân tâm.

Vọng tâm hay Vọng ngã tức là Nhân tâm, gồm thất tình, lục dục sinh diệt, biến thiên; Chân tâm, hay Bản Lai diện mục, thời trường tồn vĩnh cửu.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm cho rằng có tìm ra được phần chân thường nơi con người thì mới mong thoát bến mê, bể khổ; bằng cứ chấp nhất nơi phần vọng tâm, vọng ngã, thì muôn đời luân lạc trong muôn kiếp phù sinh.

Phật nói với vua Ba Tư Nặc: «Đại vương có biết trong thân có cái Bất Diệt không?» [8]

Phật lại dạy A Nan: «A Nan, người muốn tu cho thành Đạo, thì phải biết hai thứ căn bản: Một là căn bản vô thủy sinh tử, tức là hiện nay, người và chúng sinh đều lấy cái tâm vọng tưởng mà nhận làm tư tính đó. Hai là Căn bản Niết Bàn tức là Thức Thứ Tám, vi tế tư tưởng của người đang có, ngày nay gọi là Thức tinh nguyên minh đó. Bởi đem cái Thức tinh nguyên minh bỏ đi, nên tuy hằng ngày vẫn dùng đến, mà chẳng biết đặng cái thể của Bốn minh Tư Tính, đến nỗi lặn lội vào các thú mà thọ nghiệp sinh tử, luân chuyển, Thiệt là uổng thay?» [9]

Đại đức Thích Chân Giám, khi bình đoạn này, đã viết: «Phải biết rằng chỗ thủ thắng của kinh này là toàn phá nơi Thức tâm, mà hiểu rành Căn Tánh, vì dùng theo Thức tâm mà tu, thì dầu trải qua trần hà sa số kiếp cũng không đặng đạo Bồ Đề; còn do nơi Căn Tánh mà vào, thì trong lúc vừa khảy móng tay, cũng vượt lên đặng bậc Vô Học. Cho nên muốn quyết định thành chánh giác và chứng Niết Bàn, thì cứ lấy Căn Tính mà làm cái Tâm “nhân địa” rồi sau mới có thể viên thành được cái Giác ở nơi “quả địa”.» [10]

Thuyết Tam Tài với Lão giáo



Nhìn sang phía Lão Trang, ta cũng thấy rằng các Ngài chủ trương trong tâm còn có Đạo, có Trời Tâm thì ở trong vòng tương đối, biến thiên, hữu vi, hữu tướng. Đạo thì tuyệt đối, hàng cửu, vô vi, vô tướng, bất khả tư nghị. Muốn tu trì, dĩ nhiên là phải xây căn cơ trên Đạo, phải hiểu thấu đáo về Đạo phải siêu lên trên cõi hữu vi, hữu tướng, nhân vị, nhân tạo, mà đi vào cõi Vô vi, Tuyệt đối.

Chính vì coi Đạo là căn cốt muôn loài, nên ngay đầu sách Đạo Đức kinh, Lão Tử đã dành một chương nói về Đạo.

Hóa công hồ dễ đặt tên,
 Khuôn thiêng hồ dễ mà đem luận bàn.
 Không tên, sáng tạo thế gian,
 Có tên, là mẹ muôn ngàn thụ sinh.
 Tịch nhiên cho thấy uy linh,
 Hiển dương cho thấy công trình vân vi,
 Hai phương diện, một Hóa Nhi,
 Huyền linh khôn xiết, huyền vi khôn lường,
 Ấy là chúng diệu chi môn,
 Cửa thiêng phát xuất mọi nguồn huyền vi.

Trang Tử, chính vì thấy rằng trong tâm mình còn có Đạo, có Trời, có Bản thể bất sinh, bất tử, nên đã

nói trong thiên Tề vật luận, Nam Hoa kinh:

Ta và Trời đất cùng sinh,

Ta và muôn vật sự tình chẳng hai. [\[11\]](#)

Âm Phù Kinh viết:

Thiên tính Nhân dã, 天性人也

Nhân tâm cơ dã. 人心機也

Lập Thiên chi đạo, 立天之道

Dĩ định nhân dã. 以定人也

Dịch:

Thiên tính là Người,

Nhân tâm là máy.

Lập ra Thiên đạo,

Định mực phiêu Người.

Trong bài tựa quyển Huyền Diệu Cảnh của đức Lã Động Tân ta thấy Thiên đạo, Nhân đạo được định nghĩa như sau:

Thế nào là Thiên đạo? Thiên đạo là tu tính, dưỡng mệnh, vượt tình trạng con người mà hợp với Trời. Thế nào là Nhân đạo?. Nhân đạo là giữ tròn ngũ luân, ngũ sự (giữ trọn nhân luân)

Tóm lại Đạo Lão cũng cho rằng con người có Thiên tính, và đắc đạo là «Hợp Thiên». Theo Đạo Lão, lúc mới đầu con người còn mê muội, chưa biết được rằng Đạo, hay Trời đã ở sẵn trong tâm, nên phải «tâm sư, học Đạo», «tâm sư cầu Đạo». Khi đã chứng Đạo, sẽ thấy được rằng Đạo đã ở sẵn trong lòng mình. Thế là đắc Đạo, mà Đắc Đạo là Đắc Thiên. Khi đã biết rằng Đạo là căn cốt của mình, tự nhiên con người sẽ trở nên hồn nhiên, tiêu sái. Người xưa khen là có Tiên phong, Đạo cốt. Đối với người Trung Hoa Đạo là Thiên, là Thần...

Cho nên, khi phiên dịch câu Phúc Âm Thánh John: «Đầu trước hết có Ngôi Hai, Ngôi Hai ở cùng Thiên Chúa và Ngôi Hai là Thiên Chúa», người Trung Hoa đã viết: «Thái sơ hữu Đạo, Đạo dữ Thần đồng tại, Đạo tức thị Thần.»

Thuyết Tam Tài với Hồi giáo



Hồi giáo cũng chủ trương con người có ba phần. Trong hội nghị tôn giáo tại Lahore, Pakistan, tháng 12, năm 1896, ông Harzat Ahmad, đại diện chính thức của Hồi giáo đã dùng thuyết Tam Tài để giải thích và toát lược thánh thư Koran. Ông cho rằng thánh thư Koran chủ trương con người có 3 bình diện:

- Bình diện vật chất hay Naf-Ammara.
- Bình diện tâm hồn hay Nafs-lawwama.
- Bình diện siêu nhiên hay Nafs-matmainnah. [\[12\]](#)

Koran cũng xác nhận một, cách khéo léo rằng:

- Thượng Đế chẳng hề xa con người. [\[13\]](#)
- Thượng Đế đã truyền Thần Ngài vào trong con người. [\[14\]](#)
- Thượng Đế thực sự đã tràn ngập con người từ trong ra đến ngoài. [\[15\]](#)

Thuyết Tam Tài với Công giáo & Tin Lành



Công giáo, xét về phương diện giáo lý công truyền, thì chỉ chủ trương con người có hai phần: Hồn, Xác.

- Hồn thì thiêng liêng, bất tử; xác thì tử vong. Khi còn sống, thì hồn, xác kết hợp mật thiết với nhau thành một con người, và sau này khi tới ngày tận thế và tới ngày phán xét chung, xác mọi người sẽ sống lại, hợp cùng với hồn để được thưởng hay chịu phạt đời đời.

Công đồng Latran IV (1215) và Vatican I (1869-1870) đã xác định con người chỉ có hai phần; hồn, xác và không chấp nhận quan niệm Tam Tài về con người của Plato, của phái Gnosticism, Manicheism, Apollinarianism.

Công đồng chung thứ 8, họp tại Constantinople (869-870) phi bác lý thuyết cho rằng con người có hai hồn, và đã xác định con người chỉ có một linh hồn biết nghĩa lý.

Ngược lại, Thánh kinh Công giáo lại chủ trương thuyết Tam Tài về con người.

Trong quyển Con đường cứu rỗi (Le chemin du Salut) của Charles Gerber, một tác giả thuộc giáo phái Cơ Đốc Phục Lâm, đã cho thấy:

- Chữ Thần được nhắc đến 827 lần trong Thánh kinh.
- Chữ Hồn được nhắc đến 873 lần trong Thánh kinh. [\[16\]](#)

Giáo phái chứng nhân của Jehovah, sau khi lấy Thánh kinh để chứng minh rằng hồn con người thường được chỉ bằng những danh từ Psyché (Hi Lạp) hay Nepesch (Do Thái), còn lấy Thánh kinh để chứng minh rằng hồn con người không bất tử, nhất là dựa vào câu Ezechiel: «Hồn nào phạm tội, sẽ chết.» (Ezechiel, 18:24)

Quyển The Secret Teachings of all ages (Vạn đại bí chỉ) cũng đã dùng Thánh kinh để chứng minh rằng hồn thì tử vong, mà Thần thì bất tử. [\[17\]](#)

Vua David, đã nói trong Thi Thiên (Psalm) 82, câu 6: «Ta đã nói: Các người là Thần, và tất cả đều là Con Đấng Tối Cao.»

Chúa Giêsu phán trong Phúc Âm Yoan, chương 4, câu 24: «Thiên Chúa là Thần, nên những kẻ thờ phượng Ngài, phải thờ phượng bằng Thần, và sự thật.» Ngài lại chủ trương muốn vào nước Trời, phải được sinh lại bằng Thần, phải có Thần (Yoan, 3:4 -8). Nói thế có nghĩa là nếu con người mà không có Thần sẽ không thờ phượng Thiên Chúa một cách chân chính hữu hiệu được; nếu không có Thần không vào được Nước Trời. Quan niệm Tam Tài về con người đã được thánh Paul chủ trương hết sức rõ ràng. Trong thánh thư I gửi giáo đoàn Thessalonica, chương V, câu 23, Ngài viết: «Ước gì toàn thân anh em Thần, Hồn, Xác được giữ vẹn, không chê trách được, cho tới ngày Chúa Giêsu Kitô chúng ta đến.» Trong thư gửi cho giáo đoàn Do Thái, Ngài viết: «Vì lời Chúa sống động, linh nghiệm, sắc bén hơn bất kỳ gươm hai lưỡi nào, nó có thể thấu vào tới chỗ phân chia của Hồn và Thần.» (He. 4:12).

Bản Bible de Jerusalem (Bản Thánh kinh Jerusalem) bình rằng đối với thánh Paul, TÂM phải nhường bước cho THẦN, thì con người mới có thể sống một đời sống thần minh. [\[18\]](#)

Nếu vậy thì chủ trương của thánh Paul có khác gì chủ trương của Đạo Lão đâu ! Đạo Lão Tử xưa đã dạy: «Tâm tử, Thần hoạt.» (Tâm con người phải chết đi, cho Thần được sống động).

Paul Tillich, một thần học gia Thiên Chúa Giáo nổi tiếng hoàn cầu hiện nay, đã thuyết giảng một bài làm chấn động dư luận. Đó là bài «Chiều kích sâu thẳm của đời sống con người». Bài giảng đó đã được đăng tải vào trong Tuyển tập của ông nhan đề là The Shaking of the Foundations, phát hành năm 1949 tại Anh Quốc. Trong bài này, Tillich đưa ra một nhận định hết sức mới mẻ về Thượng Đế. Thay vì chủ trương Thượng Đế là một đấng ngự trên trời cao thẳm, mà mọi người cố tin là có, ông lại cho rằng Ngài chính là Căn Cơ, Gốc Gác con người.

Ông viết: «Tên gọi của Căn Cơ sâu thẳm của muôn loài được gọi là Thượng Đế. Danh từ Thượng Đế chính là để chỉ chiều kích sâu thẳm đó. Nếu danh từ này chưa có ý nghĩa gì với bạn, bạn hãy chuyển dịch danh từ đó thành chiều kích sâu thẳm của cuộc đời bạn, thành nguồn gốc bản thể bạn, điều quan thiết tối hậu của bạn, và là điều mà bạn chú trọng nhất. Có lẽ, để làm được như vậy, bạn phải quên đi những gì mà truyền thống đã dạy bạn về Thượng Đế, phải quên ngay đi cả danh từ Thượng Đế. Vì nếu bạn hiểu được rằng Thượng Đế là chiều kích sâu xa của cuộc đời bạn, bạn đã hiểu được rất nhiều về Thượng Đế. Hiểu Thượng Đế như vậy, không thể rằng bạn là vô thần hay vô tín ngưỡng. Vì bạn không thể nghĩ hay nói được rằng: Sự sống không có chiều sâu; sự sống chỉ là nông cạn, hời hợt; bản thể chỉ là phiến diện, Nếu bạn thực tình đã thốt ra những câu như trên, thì bạn là kẻ vô thần; bằng không, thì bạn đâu phải vô thần. Ai hiểu biết được chiều sâu, tức là hiểu biết Thiên Chúa.» [\[19\]](#)

Giám mục John A. T. Robinson, Giám mục giáo phận Woolwich tại Anh quốc, tác giả cuốn sách nhan đề là Honest to God tả lại rằng khi ông đọc bài giảng trên, ông đã mở mắt ra và mục kích sự chuyển hóa của truyền thống giáo lý từ chiều cao thành chiều sâu.

Nhiều môn phái Tin Lành, như Transcendentalists (T), Anabaptists (A), Quakers (Q), và Liberal Theology (LT) đều đồng thanh chủ trương Thượng Đế ngự trị trong lòng chúng sinh và muôn vật.

Emerson (T) cho rằng: «Mặc khải cao siêu nhất cho thấy rằng Thượng Đế đã ngự sẵn trong lòng mọi người.» [\[20\]](#)

Storch và Munstzer (A) tin rằng đấng Christ ở trong lòng mọi người... Chẳng những con người có thể kết hợp với Thượng Đế, lại còn có thể trở nên như Thượng Đế. [\[21\]](#)

Niềm tin cốt cán của Giáo phái Quakers chính là trong con người đã có Linh Quang Nội Tại (Inner Light), đã có đấng Christ, đã có Thượng Đế. Chính vì vậy mà họ coi mọi người là anh em, và cố gắng làm

những công cuộc cứu trợ, để làm vơi nỗi khổ của nhân loại. [22]

Schleiermacher (LT) và phái Thần Học Tự Do cấp tiến, cũng đồng ý trong tâm có Trời, cho nên tôn giáo đối với họ chính là sự trực tiếp nhận ra rằng trong Hữu Hạn có Vô Cùng; trong Dị Biệt, Tọa Thù, có Đồng Nhất Bất Phân. [23]

Thuyết Tam Tài với Cao Đài giáo



Cao Đài giáo cũng chủ trương trong tâm con người, còn có Đạo, có Trời. Đàn cơ ở Trúc Lâm thiền viện, giờ Tuất, ngày 20-10-Quý Mão (14-11-1973), có ghi:

Đạo có gì đâu, Đạo ấy Trời.
 Trời là Tiên, Phật cũng là Người.
 Người mà giác ngộ, thành Tiên Phật.
 Tiên, Phật vọng tâm cũng xuống đời.

Cuối đàn cơ lại có một đoạn như sau:

Đạo là chân lý trọn bề,
 Ở nơi tâm cảnh, chẳng hề có xa.
 Tâm không tham vọng mị tà,
 Cảnh dầu có biến, vẫn hòa cùng tâm.
 Tâm là thiện ác khởi mầm.
 Cũng là chủ tể, vững cầm hồn linh.
 Tu tâm trước phải vẹn gìn,
 Đừng cho dục vọng nảy sinh nơi lòng.
 Để tâm an định sạch trong,
 Mới tường lẽ thiệt, tương đồng Thiên Nhân.

Đức Cao Đài, khi sáng lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đã tuyên bố rõ ràng muốn đem THẦN trả lại cho con người.

Trong bài Thánh Ngôn, ngày 25-02-1926, đăng tải trong Thánh Ngôn Hợp Tuyển, trang 8, có lời Đức Cao Đài phán: «Thần là khiếm khuyết của cơ màu nhiệm, từ ngày đạo bị bế. Lập Tam Kỳ Phổ Độ này, Thầy cho Thần hiệp Tinh, Khí, đặng đủ tam bửu, là cơ màu nhiệm siêu phàm, nhập thánh.

Từ ngày Đạo bị bế, thì luật lệ hãy còn nguyên, luyện pháp chẳng đổi, song Thiên đình mỗi phen đánh tẩn Thần, không cho hiệp cùng Tinh, Khí. Thầy đến đặng hoàn nguyên chân Thần cho các con đắc Đạo...»

Lời cơ trên kỳ kỳ, ảo ảo, nhưng chung qui đã xác quyết: Lập ra Đạo Cao Đài để hoàn nguyên Chân Thần lại cho con người. Và nếu con người không được hoàn nguyên Chân Thần thì không sao thành Tiên, thành Phật được.

Cái nét đặc thù cao diệu nhất của Cao Đài chính là Thượng Đế chẳng ở đâu xa mà chính là đã ở sẵn trong lòng con người, trong trung tâm đầu não con người, mà ta thường gọi là Nê Hoàn Cung. Trời, hay Thần con người, hay Cao Đài, hay Thầy, hay Thiên Nhãn đã ngự trị sẵn nơi đó. [24]

Có vậy ta mới hiểu những câu sau đây:

«Thầy ngự trong lòng mỗi chúng sinh
 Chúng sinh giác ngộ, biết tu hành,
 Thương yêu mưa tách người khôn dại,
 Điều độ đừng chia kẻ dữ lành.» [25]

Có hiểu Nhãn, hay Thiên Nhãn chính là Thầy, là Thượng Đế ta mới hiểu lời lẽ sau trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển: «Con hiểu Thần cư tại Nhãn. Bố trí cho chư đạo hữu con hiểu rõ. Nguồn gốc Tiên Phật do yếu nhiệm tại đó.» [26]

Thuyết Tam Tài với Mật tông, Mật giáo Đông phương



Mật tông, mật giáo cho rằng các pháp môn tu luyện tuy nhiều, nhưng có thể thu tóm lại thành 3 loại:

Luyện xác (Hatha Yoga)

Luyện tâm (Lana Yoga)

Luyện thần (Raja Yoga)

tương ứng với ba phần xác, hồn, thần trong con người. [27]

Như vậy các Huyền Môn Tây Tạng, và Mật Tông Đông Phương cũng chấp nhận quan niệm Tam Tài về con người.

Thuyết Tam Tài với Thông Thiên Học



Thông Thiên Học, tuy chia con người thành 7 bình diện chính, 49 bình diện phụ, nhưng vẫn chấp nhận quan niệm Tam Tài về con người. Trong bài khảo cứu về Thánh ngữ AUM, do ông Fr. Mylne biên soạn theo tài liệu của ông, Arthur M. Coon, và đã được đăng tải trong tập san Tìm hiểu Thông Thiên Học, 1965, số Xuân Ất Tị, ta thấy nơi chú thích 1, trang 62, ghi như sau:

Theo Giáo lý Thông Thiên Học, con người gồm có:

- CHÂN THẦN hay Điểm Linh Quang của Đức Thượng Đế vô cùng tinh anh, ngự trị tại cõi Niết Bàn.
- CHÂN NHÂN hay là Tam Thể Thượng gồm có Tiên Thể, Thánh Thể, và Thượng Trí, hoạt động ở trong những cõi Niết Bàn, Bồ Đề và Thượng Thiên.
- PHÀM NHÂN hay Tam Thể Hạ, gồm hạ trí, thể vía, và xác thân hoạt động ở những cõi hạ thiên, trung giới và hồng trần.

Nhưng theo tôi, cái điều quan trọng của Thuyết Tam Tài là trong con người, dưới lớp Phàm Ngã, còn có Chân Ngã; dưới lớp Nhân Tâm, còn có Thượng Đế làm chủ chốt.

Điều này cũng chính là niềm tin của Thông Thiên Học.

Trong Theosophia 3, do Thông Thiên Học Việt Nam, chi bộ Phụng Sự phát hành, từ trang 13 đến 34, ông Lê Thiện Duyên, một hội viên Thông Thiên Học, khi giải thích dấu hiệu Thông Thiên Học đã viết:

«Ấn Tín Salomon, tức là hình ngôi sao sáu cánh cài lên nhau, chính là biểu tượng:

Thượng Đế và Con người; Thượng Đế nội tâm (tức là Chân Ngã) và Phàm Ngã.

Chân Ngã và Phàm Ngã, hay nói cách khác, Thượng Đế và Tâm hồn con người, liên lạc với nhau hết sức là mật thiết, như hai hình tam giác xuôi, ngược, trong ấn tín Salomon, được cài lên nhau, hết sức là gắn bó, đến nỗi không thể nào gỡ ra được, rút ra được.

Tam giác có đầu quay lên, tượng trưng cho Thượng Đế, hay con người thiêng liêng hay Chân ngã hay Chân Thần.

Tam giác đầu quay xuống tượng trưng cho Phàm Ngã.

Như vậy ý nghĩa tổng quát của ấn tín Salomon, có ý muốn nói rằng hành giả nào muốn tìm đến thập

tự Tau, tức cửa Đạo, thì điều kiện tiên quyết là phải hợp nhất giữa mình và Thượng Đế. Điều này chỉ có thể đến, khi con người sống thuận theo Thiên Cơ và đồng thời khi thuận Thiên, tức nhiên nơi con người có sự hòa hợp giữa Chân Ngã và Phàm Ngã. Trong Phàm Ngã luôn luôn hiện diện tinh thần của Chân Ngã để nhờ đó, ta soi sáng bước đường hiệp nhất giữa con người và Thượng Đế.»

Như vậy tôi đã chứng minh được điều mà tôi muốn chứng minh. Đó là đối với Thông Thiên, trong Hồn còn có Thần; trong Nhân tâm còn có Thượng Đế làm chủ chốt.

Thuyết Tam Tài trong Văn chương và triết học



Dante, một văn sĩ Ý thời Trung Cổ (1265-1321), cũng công nhận thuyết Tam Tài về con người. Nền nhân bản của ông coi vũ trụ là một toàn thể, và con người là nhân giới tiếp giáp giữa Thượng Đế và vạn vật, là một thực thể duy nhất, nhưng nối kết với:

- Thế giới vật chất bằng ngũ quan.
- Thế giới tư tưởng bằng tâm tư.
- Thế giới huyền vi bằng Thần. [\[28\]](#)

Averroès (1126- 1198), một triết gia Ả Rập ở Tây Ban Nha, đồng thời cũng là một nhà học giả Hồi giáo trứ danh, đã từng bình giải các tác phẩm của Aristotle, cũng chủ trương rằng hồn con người có liên lạc mật thiết với khối óc, và sẽ chết theo khối óc; nhưng, trong con người còn có Lý, tức là Nguyên căn vĩnh cửu. Tu luyện Lý ấy con người sẽ có thể kết hợp với Lý Sống Động, với Đại Trí vĩnh cửu phổ quát. [\[29\]](#)

Môn phái Valentinian (thành lập vào khoảng năm 140 do Valentinus ở Alexandria, (cũng cho rằng con người có thể chia thành ba hạng:

- Phàm phu tục tử, xác đất vật hèn (Hyliques)
- Con người có nhân cách (Psychiques)
- Con người có tiên cách (Spirituels) [\[30\]](#)

Theo Papius, thì các triết gia huyền học hiện đại, khoa học huyền bí hiện đại, môn phái thần bí Allen Kardec và một số môn nhân Rosi-Crucians, cổ giáo Ai cập, mật giáo Kabbalah Do Thái, Pythagoras, Paracelsus và thánh Paul đều chủ trương thuyết Tam Tài với con người. [\[31\]](#)

Từ ngữ với Thuyết Tam Tài



Nhị tổ điều tâm - tranh Thạch Khắc 石恪 (Ngũ Đại)

Khảo từ ngữ các nước, ta thấy nước nào cũng có những tiếng để chỉ Hồn và Thần và cũng phân biệt Lương Tâm và Nhân Tâm.

Ta có thể viết:

Thần = Lương Tâm

Hồn = Nhân Tâm

Như vậy, phần Thiên, phần Thần nơi chúng ta là Lương tâm, phổ quát vĩnh cửu; còn phần Nhân nơi ta là Nhân Tâm, biến thiên hạn hẹp.

Lương tâm thời phi nhân, phi ngã.

Nhân tâm thời mang sắc thái riêng tư của mỗi người. Nó là những bộ mặt hóa trang, mà mỗi người đã đeo lên trên Lương tâm – Chân diện mục – của con người.

Khi ta làm điều gì xấu, thì Lương Tâm oán trách ta.

Còn Tâm hồn ta thì xấu hổ, phàn nàn, hối hận.

Tiếng Pháp, tiếng Anh gọi Lương tâm là Conscience. «Con-» là «cùng», «Science» là «biết», mà đã «cùng biết», thì phải là HAI chứ là MỘT làm sao? .

Những cảm nghĩ của tôi về Xác, Hồn, Thần

Quan niệm Tam Tài về con người giúp tôi nhìn tỏ về con người. Theo huyền học Kabbalah Do Thái, thì bình diện Tâm Hồn cũng được gọi là bình diện tinh tú (Astral plane).

Ông Desbarolles, tổ sư khoa xem chỉ tay Âu Châu, cũng đã theo truyền thống Kabbalah mà chia con người thành ba bình diện:

- Bình diện thần minh.
- Bình diện tâm hồn hay bình diện Tinh tú.

– Bình diện vật chất hay bình diện phàm trần. [32]

Cũng có người lại chia Hồn thành Hồn Nước (âme liquide); Hồn Khí (âme aérienne). [33]

Tôi vẫn cho hồn là KHÍ. Nhưng nhìn sâu sắc hơn lại thấy hồn có hai phương diện:

– Hồn Trọc = Phách (cấu tạo bằng trọc khí). Đây là sở cư của thất tình lục dục, mà các nền luân lý của các Đạo giáo cổ công tìm cách kèm chế, chuyển biến.

– Hồn Thanh - Thanh Khí = Hồn (Cấu tạo bằng thanh khí). Lòng yêu chuộng nghệ thuật cũng từ nơi đây phát sinh.

Dù Hồn là thanh khí, hay trọc khí cũng vẫn là cái gì hữu hạn, biến thiên, nên nó chính là cơ sở tạo nên cá nhân, cá tính, tạo nên phân biệt.

Vì hữu hạn, nên bao giờ cũng khao khát, cũng khắc khoải. Vì biến thiên, nên vẫn ở trong vòng sinh tử, luân hồi. Vì mang đầy cá nhân, cá tính, nên còn hết sức là ti tiểu.

Á Đông mỗi khi kể chuyện người chết hiện hồn về đều mô tả như là một làn sương khói, tuy vẫn thấy hình, nhưng sờ nắm không còn được nữa. Đại khái vẫn như là một «làn KHÍ» tụ lại...

Thần, đối với tôi là một Linh Quang. Gọi là Linh quang vì nó tỏa lan khắp vũ trụ. Nó là một loại ánh sáng vi tế hơn «vũ trụ tuyến», có thể xuyên thấu mọi sự, chứ không phải thứ ánh sáng thông thường có tốc độ 300.000 ngàn cây số một giây, mà mắt phàm ta nhìn thấy được.

Vì tỏa lan khắp nơi, xuyên thấu mọi sự, nên được gọi là ở khắp nơi, «vô sở bất tại». Vì thế Dịch kinh viết: «Thần vô phương, nhi Dịch vô sở.» Vì xuyên thấu mọi sự nên có năng lực vô biên. Vì là Linh Quang nên thông sáng vô cùng tận. Người xưa cho Thần là thông minh vô cùng, phép tắc vô cùng, ở khắp mọi nơi chính là vì vậy.

Lúc mà THẦN đã thông, không còn bị kẹt trong sa mù nam châm của khí, của hồn; và trong vòng trọc trọc của vật chất, xác thân, lúc ấy Thần sẽ vô biên, sẽ khinh khoáng, sẽ vĩnh cửu. Người xưa gọi thể là Giải thoát.

Hiểu Thần, Hồn, Xác như vậy, mới có thể hiểu nghĩa đích thực của các đạo giáo, và về các vấn đề hữu hạn, vô hạn; tù túng, giải thoát; biến thiên và hằng cửu.

Thần trong quan niệm Tam Tài của tôi phải được hiểu là Tuyệt đối thể vô biên vô tận. Nơi đây không còn Thanh và Sắc... Nơi đây là nơi vắng lặng không hư, chỗ qui tụ, hòa hài của thánh hiền, Tiên, Phật muôn thừa, muôn nơi... Được vậy, chính là vì đây là «Nơi không Nơi», «không đây, không đó».

Quan niệm Tam Tài về con người đề cao giá trị của con người. Nó giúp chúng ta thấy rằng tuy các bình diện bên ngoài, các bình diện xác hồn con người thì biến thiên, sinh tử, nhưng bình diện căn cốt của con người lại trường sinh, vĩnh cửu.

Mới hay:

Cái tạm bợ bao ngoài vĩnh cửu,

Áo thô sơ che dụ giấu hoa !

Rồi ra vàng ngọc chói lòa,

Trời người hợp nhất, Trung Hòa vô biên.

– Vì con người có Xác, nên mới có Ngũ Quan để tiếp xúc với ngoại cảnh.

– Vì con người có Hồn, cho nên có thất tình lục dục, có trí lự để suy tư, để yêu cái này, ghét cái nọ.

– Vì con người có Thần nên có Linh giác, Linh cảm, Linh Tri, Linh Tính, hay Tuệ giác, để tiếp xúc với Thần Linh, để khám phá ra những bí nhiệm của Trời đất.

Bên Á Châu cho rằng cái hiểu biết cao siêu, toàn bích là do Tuệ giác, Linh tri, Linh Giác. Bên Âu Châu thì cho là do Thượng Đế mặc khải. Càng ngày các bậc thượng trí, thượng nhân trong thiên hạ đều chủ trương rằng Linh Tri, Linh Giác hay Mặc khải không phải là hồng ân dành cho một số người nào đặc biệt, cho một thời đại nào đặc biệt, mà bất kỳ ai, nếu dày công tu luyện, sẽ đạt tới Linh Giác. Người ta thường cho rằng chỉ có đại thánh, đại hiền mới được điểm phúc đối thoại với Thượng Đế. Riêng tôi, tôi thấy chúng ta thường xuyên đối thoại với Thượng Đế, qua tiếng Lương Tâm, mà chúng ta không hề hay biết...

Các tôn giáo công truyền xưa nay quan niệm hết sức sơ sài về Thần, Hồn, Xác. Hỏi bản tính Thượng Đế là gì, của Thần là gì, thì nói là tính thiêng liêng. Hỏi bản tính của hồn là gì cũng trả lời là tính thiêng liêng. Nhưng nếu hỏi thêm thiêng liêng có bản chất là gì, chắc là không trả lời được. Khi biết mù mờ về con người, sẽ bế tắc khi nói về trường sinh, và giải thoát, và cũng sẽ rất hồ đồ về phương pháp tu luyện. Đối với tôi truy nguyên về bản tính của Thần, Hồn, Xác là một vấn đề tuyên quyết, một vấn đề căn bản. Chúng ta hãy đi từ cái thô thiển nhất, trang trọng nhất, để tiến lên dần tới cái khinh thanh nhất và tế vi nhất.

Xác dĩ nhiên là trọng trọc và thô thiển. Xác là vật chất hữu hình. Xác gắn liền với ngoại cảnh, với vật chất, với đất. Xác có ngũ quan để liên lạc với ngoại cảnh. Cỏ cây thảo mộc, cầm thú đều có sinh, có hủy. Xác con người cũng có sinh, có hủy. Chết đi xác con người lâu dần sẽ đồng hóa với đất đai. Ai là người mà đã chẳng chứng kiến cảnh tan rã, hủy hoại của thân xác con người?. Xác như vậy là Đất, là Nước.

Hồn con người, xét về bản tính, là KHÍ. Khảo từ ngữ Nhật Bản, ta thấy có điều lạ lùng này, là chữ Khí trong tiếng Nhật tương đương với chữ Hồn. Người Nhật rất chú trọng đến phần KHÍ trong con người, vì nó liên quan đến sức khỏe con người, tâm trạng con người. Họ cũng cho rằng bầu khí quyển bên ngoài mà biến chuyển, thì tâm trạng con người cũng biến chuyển. Vì thế khi viết thư từ cho nhau, bao giờ cũng bàn về thời tiết trước tiên. Ví dụ họ viết: «Ten ki ga ii desu.» (Khí Trời tốt), «Ten ki ga warui desu.» (Khí trời xấu) Khi muốn hỏi thăm sức khỏe nhau họ nói: «Ki bun ga ikaga desu ka?» (Khí phận Ngài hôm nay ra sao?) Tâm trạng vui buồn trong con người, hay dở trong con người, được coi như là khí khi tốt, khi xấu trong con người.

– Ki bun ga ii desu = Khí phận tốt - Vui = Sảng khoái - dễ chịu.

– Ki bun ga warui desu = Khí phận xấu = Bực bội, khó chịu.

Có điều Khí đây là thứ Khí đặc biệt: Đó là những «ions» + và «ions» – , nên luôn luôn phát sinh ra một từ lực và một từ trường. Khi gặp nhau, từ lực, từ trường của mỗi người đan quyện với từ trường từ lực của mọi người; rồi từ lực, từ trường của mình lại đan quyện với từ lực từ trường của quần sinh, vũ trụ. Chính vì vậy mà các đạo giáo Đông Phương cho rằng con người bị «nhân duyên triền phược» và con người tự giam hãm mình vào trong những vòng cương tỏa gian trần.

Dịch nói: «Tại thiên thành tượng.» Ở nơi tâm hồn, ta thấy đầy dẫy những ảnh tượng mà gian trần, mà xã hội đã in vào. Những ảnh tượng này thường ảnh hưởng rất nhiều đến tâm trạng con người. Và những bảo tố trong tâm hồn bên trong cũng y như những bảo tố từ trường nơi vũ trụ bên ngoài. Ý niệm của chúng ta cũng bắt đầu hình thành ở nơi đây. Âu Châu có nhiều môn phái coi tính chất của hồn tương đương với tính chất các vì tinh tú, nên gọi thể hồn là ASTRAL (thể tinh tú).

Nó đề cao giá trị con người, vì cho thấy Thần con người và Thần Trời đất là Một... Nó chỉ vẽ cho con người con đường đạo giáo chân thường: đó là đi vào nội tâm mà tìm Đạo tìm Trời. Nó lại dạy con người một bí quyết hết sức nhiệm mầu khác là một khi đã đạt Thần, đạt Đạo, đạt Thiên, lập tức phải rũ bỏ những

gì biến thiên, tử sinh, hư ảo: đó là vật chất xác thân, đó là nhân tâm, tiểu ngã nếu chẳng vậy không thể nào thực hiện được khẩu quyết: «Ta và Cha Ta là Một.» (Yoaan 17: 20-21)

Cho nên, tu luyện thời mới đầu là lo cho thân xác được thoải mái, khoẻ mạnh; rồi lo cho tâm hồn ngày một nên tế vi, tinh khiết, tỉnh lặng, thanh cao.

Cuối cùng là đạt trạng thái thần linh, tức là sống một cuộc đời huyền hóa với trời đất, hồn nhiên, vô vi, vô dục, khoáng đạt, hư linh bất muội. Thế chính là đạt đạo, đắc đạo, phổ quát, bất biến, trường tồn, vĩnh cửu.

Thực tế hơn, thì phải nói ta có thể cảm thấy xác thân, cảm thấy hồn dễ dàng, vì xác thân nằm trong phạm vi giác quan chúng ta, vì tâm hồn chúng ta có thất tình lục dục, có những thú thanh cao thuộc về thi ca, nghệ thuật. Nhưng còn Thần, còn Trời nơi ta, ta nghĩ rằng ta không sao cảm thấy được.

Tuy nhiên, ta vẫn có trong tầm tay ta một phương tiện để cảm thấy Trời, thấy Thần trời đất nơi ta. Thực vậy Trời chẳng ở đâu xa, Trời đã ở ngay trong tâm hồn ta. Trời chính là Lương tâm chúng ta.

Tâm tư con người hằng giây, hằng phút biến thiên; Lương tâm con người muôn đời bất biến. Lương tâm con người vượt tầm không gian, thời gian; đã hiện diện ở nơi con người đầu tiên trên mặt đất, và sẽ hiện diện y như vậy nơi con người sau chót. Nó mới chính là Lời Chúa, nó mới chính là Thánh kinh, nó mới không sai lầm, nó mới vĩnh cửu.

Lương tâm chính là cái gì cao quý nhất, đẹp đẽ nhất của nhân quần. Sống hoàn toàn thuận theo lương tâm, tức là sống hoàn toàn thuận theo Thiên Lý, và như vậy sẽ là một vị Thánh, Hiền, Tiên, Phật ngay từ khi còn ở gian trần này. Phật, Thánh xưa nay chẳng qua là những hiện thân của Lương tâm, của Thượng Đế...

Pierre Abelard, một triết gia Pháp, thời trung cổ (1079- 1142) đã nói rằng: «Con người phạm tội là khi nào làm điều trái nghịch với lương tâm. Cái lẽ luật thiên nhiên ấy đã có trước sự mặc khải của các đạo giáo. Trước Moses, con người đã biết sống theo thiên lý. Socrates và Plato còn có đời sống thánh thiện hơn những người Công giáo sau này. Người Công giáo, người Do Thái và nhà triết học khi đàm thoại với nhau đã gặp nhau ở điểm tương đồng này, là lấy lương tâm làm kim chỉ nam cho luân lý và cho nhân loại...» [\[34\]](#)

Tôi đã dùng thuyết Tam Tài, để nghiên cứu sự diễn biến của Văn Hóa, của Đạo giáo và của Lịch sử trên triều thời gian.

Thời Thượng cổ, nhân loại sống theo chữ Thiên, và đã tin rằng con người gồm đủ Tam Tài: Thần, Hồn, Xác. Nền đạo giáo cao siêu nhất của thời đại ấy là Thiên đạo, mà Thiên đạo là luyện Thần để sống phối hợp với Thượng Đế. Đạo Lão gọi thế là Luyện Thần hoàn Hư, phục qui Vô Cực.

Không thể nói được là ai đã lập ra Thiên đạo, vì Thiên đạo từ muôn thừa đã bàng bạc trong vũ trụ, và đã ẩn áo trong tâm linh con người Thánh, hiền, Tiên, Phật là những người có công khám phá ra Thiên đạo, và đã thực hiện Thiên đạo. Cho nên đối với tôi, Thiên đạo là «Đạo vũ trụ», là «tôn giáo vũ trụ» (cosmic religion). Nó là của chung của muôn phương, và đã dành sẵn cho những tâm hồn thành khẩn nhất, đẹp đẽ nhất, hào sảng nhất. Nó có mục đích tối hậu là làm cho con người trở thành Thần, Phật, chứ không chủ trương van vái, lạy lục Thần, Phật.

Thời Trung cổ, nhân loại theo quan niệm «lưỡng nguyên», và chỉ còn tin rằng con người có xác, có hồn. Nên cái đạo phổ biến nhất của thời ấy là đạo «tu tâm», sống sao cho công bằng, bác ái. Thời Trung cổ sống theo chữ Nhân. Các Đạo giáo được sáng lập phần lớn là trong thời đại này. Chúng là những «Đạo giáo lịch sử» (historical religions), nghĩa là có người sáng lập hẳn hoi, có khuôn phép, lễ nghi hẳn hoi. Tuy

nhiên, chúng chỉ dạy rằng con người là con người. Con người không thể nào trở thành thần minh. Đạo giáo lập ra cốt là để ca tụng thần minh, thờ phụng Thần minh, van vái thần minh để cầu phúc, nương tai. Chúng có mục đích dạy con người thương yêu nhau, giúp đỡ lẫn nhau. Thế là đạo giáo đặt trọng tâm đi vào đời, để cải thiện đời, cải thiện xã hội. Đạo giáo trong thời đại này, với hai chủ trương chính yếu là thờ phượng Thần Linh và yêu mến tha nhân, đã trở nên phóng ngoại, và dần dần đánh mất chiều kích tâm linh. Chủ trương của tôn giáo trong thời kỳ này là con người không bao giờ có thể nên bằng Thần Linh, không bao giờ có thể trở thành Thần Linh. Như vậy, con người đã từ chối giá trị siêu việt của mình, và đành mang lấy thân phận tôi đòi, đối với Thần Linh. Thật là:

Ra vào theo lũ thanh y,

Dãi dầu tóc rối, da chì quần bao. (Kiều)

Thời Cận kim, nhân loại chạy theo chủ nghĩa Duy vật, chỉ tin rằng con người duy có xác. Hồn chỉ là hư danh, hay phụ tượng không đáng kể. Và cái đạo phổ quát nhất là cái đạo hình thức bên ngoài; là những công trình khai thác ngoại cảnh. Trào lưu được sùng thượng là xu phụ xác thân, tiền tài, danh lợi, hưởng thụ khoái lạc nhãn tiền.

Nhưng theo lẽ Dịch, cái gì cùng cũng sẽ biến; cái gì «vãng», cũng có lúc «phản». Vì thế nên trong tương lai, ta có thể tin chắc chắn rằng nhân loại sẽ đi lại ba chặng đường Tam Tài, nhưng sẽ đi theo chiều ngược, nghĩa là sẽ đi từ Vật đạo, tới Nhân đạo, rồi cuối cùng sẽ trở về Thiên đạo. Như vậy thuyết Tam Tài cho chúng ta một cái nhìn toàn bích về vai trò các đạo giáo, và ý nghĩa lịch sử nhân quần. Quan niệm Tam Tài cho thấy con người có 3 thứ đạo phải theo, phải giữ.

1. Vì có xác nên con người có Vật đạo. Vật đạo là lo khai thác ngoại cảnh, thích ứng với ngoại cảnh, để cho xác thân được no ấm, khỏe mạnh.

2. Vì có hồn, con người phải theo Nhân đạo. Nhân đạo dạy tu tâm, luyện tính, ăn ở xứng đáng với danh nghĩa con người, đối đãi với nhau cho vẹn tình, vẹn nghĩa, vẹn niềm kính ái, thủy chung, cốt sao cho tâm tư an lạc, gia đình đầm ấm, xã hội hòa ái.

3. Vì có Thần, nên con người phải theo Thiên đạo. Thiên đạo có mục đích tìm ra Chân Thần khuất lấp sau những bức màn hiện tượng tâm tư đầy đặc, trở thành Thần Linh, siêu xuất sinh tử. Như trên đã nói, hồn là phần biến thiên trong con người mà đã biến thiên ắt phải ở trong vòng sinh tử. Thần mới là phần bất biến trong con người. Mà đã bất biến, mới bất sinh, bất tử.

Mục đích tối hậu của con người là rũ bỏ cái xống áo biến thiên, sinh tử bên ngoài, để mà thể hiện cái Bản thể Thần Linh bất tử bên trong.

Nho gia gọi thế là: Khử nhân dục, tồn Thiên Lý.

Lão Trang gọi thế là: Tâm tử, Thần hoạt.

Bà La Môn gọi thế là: Tat Tvam Asi: Con là Cái Đó.

Phật giáo gọi thế là thoát vọng tâm, thể hiện Chân tâm; siêu sinh tử, nhập Niết Bàn.

Không chấp nhận mình có Thần, vĩnh viễn không bao giờ vào được Nước Trời. (Yoan, 3:5-6), vĩnh viễn không bao giờ trở thành Tiên, Phật. Thần trong con người là hạt giống Tiên, Phật, Thần, Thánh. Không có Thần, dẫu tu muôn đời cũng không thoát được kiếp người... Ấp trứng gà, làm sao nở ra lại thành chim phượng?.

KẾT LUẬN

Quan niệm Tam Tài, mà tôi đã trình bày như trên, có một tầm kích hết sức quan trọng,

Nó giúp chúng ta đi sâu vào chiều sâu tâm hồn, để tìm cho ra Thần Linh vĩnh cửu, tiềm ẩn bên trong. Nó vạch lại cho chúng ta thấy con đường mà hiền thánh xưa nay đã dùng, để bước vào cửa Đạo, cửa Trời.

Nó không phải là một cuộc thăm dò, bàn cãi suông, mà chính là một công cuộc thăm dò để tìm hiểu về thân thể và định mệnh con người, với mục đích đem lại một sự biến chuyển nội tâm hoàn toàn, một sự tái tạo, phục sinh không tiền, khoáng hậu. Nó cũng sẽ làm đảo lộn quan niệm thông thường về đạo giáo. Thay vì vụ vào những hình thức thờ phụng, cúng quả, van vái bên ngoài, nó thôi thúc chúng ta hướng nội, quay về với bản tâm, để tìm cho ra Thần Trời đất, tìm cho ra Thượng Đế làm căn cốt bên trong. Có vậy mới mong khế hợp nhất như với Thượng Đế, mới mong giải thoát thật sự.

Xưa có một người hỏi Đốn Ngộ thiền sư. Thế nào là Phật?

Thiền sư trả lời: «Gánh nước bán đầu sông.» Nghĩa là trong ta đã có một dòng sông linh thiêng, vĩnh cửu, đã có một vị Phật vô biên, mà ta không biết, lại vất vả, chen chúc nhau, đi cầu Phật ở bên ngoài, cầu Chúa ở bên ngoài; đi mua những thứ nước đục, mà người ta ngạo nghễ đem bán cho chúng ta với một giá rất đắt, ngay bên bờ sông tâm linh của chúng ta...

Câu chuyện trên làm ta liên tưởng đến lời Thiên Chúa, ghi trong Jeremiah 2:13, đã trách dân Do Thái:

«Dân ta làm lỗi hai đàng,
Bỏ ta suốt mát, đào quàng giếng khơi,
Nước thì chẳng thấy tắm hơi,
Giếng dò, giếng nứt, ôi thôi, khốn nạn !»

Vương Dương Minh xưa cũng có những lời, những ý tương tự. Tôi mượn ý, mượn lời ông phóng tác thành bài thơ sau:

Sao thắc mắc lo suốt ngày, suốt buổi?
Sao học hành, bàn cãi mãi mà chi?
Bao nghi nan, mâu thuẫn của vấn đề,
Dùng trực giác, phá tan trong chốc lát.
Lòng con người có chỉ nam từ sơ phát,
Trong lòng người đã sẵn đấng muôn trùng.
Có mọi sự trong kho báu đáy lòng,
Sao ta vẫn ăn xin từng cửa ngõ? [\[35\]](#)

Ước mong bài khảo luận về thuyết Tam Tài này sẽ giúp quý vị, trong muôn một, tìm ra được Thần Linh nơi tâm khảm, vượt qua trần hoàn này trong vinh quang, và thực hiện được Bản thể tối hậu của mình, dữ Thiên đồng nhất.



CHÚ THÍCH

- [1] Un penseur de l'antiquité, Soplocle, je crois, dit: «Quelles que soient les choses admirables qu'il y ait dans le monde, rien n'est plus admirable que l'homme.» – Henri Montherlant. Nouvelles littéraires, No 2399 du 17 au 23 Septembre 1973, p. 12.
- [2] Mạnh Tử, Tận tâm chương cú hạ.
- [3] Tư tri nhân, bất khả dĩ bất tri Thiên. (Trung Dung, XX)
- [4] «I recognized the center of the empyrean as a point of intuitive perception in my heart. Irradiating splendor issued from my nucleus to every part of the universal structure. Blissful amrita, the nectar of immortality, pulsed through me with a quicksilverlike fluidity. The creative voice of God I heard resounding as A um,. the vibration of the Cosmic Motor. Suddenly the breath returned to my lungs. With the disappointment almost unbearable, I realized that my infinite immensity was lost. Once more I was limited to the humiliating cage of the body, not easily accommodative to the Spirit. Like a prodigal child, I had run away from my macrocosmic home and imprisoned my self in a narrow microcosm.» – Paramahansa Yogananda, Autobiography of a yogi (Los Angeles: Self Realization Fellowship). pp. 149-151, 1946.
- [5] Katha Up. IV, 1-4. 10-11. Cf. A Source Book of Indian Philosophy, p.47.
- [6] Chandogya Up. III,XIV. 1-2, 4. A Source Book of Indian Philosophy, p.65.
- [7] Radhakrishnan, East & West, Some Reflections, Harper and Brothers, Publishers. New York. 1956, p. 22.
- [8] Thủ Lăng Nghiêm, diễn dịch Hán văn ra Việt ngữ và giải thích. Linh Sơn Phật Học Nghiên Cứu Hội phát hành. q.II, tr. 90.
- [9] Ib. tr. 56.
- [10] Ib. tr. 69.
- [11] Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, nhi vạn vật dữ ngã vi nhất.
- [12] Harsat Ahmad, The philosophies of the teachings of Islam, 1959, p. 19.
- [13] But we created man, and we know what his soul whispers; for we are nigher to him than his jugular vein! (The Qur'ân, L. 50)
- [14] And when I have fashioned it, and breathed into it of my spirit... (The Qur'ân XV. 30)
- [15] He is the first and the last; and the outer and the inner... (The Qur'ân, LVII. 30)
- [16] L'Esprit (Ruah en hébreu. Pneuma en Grec, mot qui se rencontre 827 fois dans la Bible) c'est le souffle de vie qui est communiqué par Dieu... L'âme (Nepesch en Hébreu, Psuche en Grec, mot mentionné 873 fois dans la Bible) désigne avant tout la vie individuelle, la vie passagère. Of Charles Gerbier. Le Chemin du Salut, chapitre: L'Homme est-il immortel?)
- [17] According to the Scriptures, Spirit is indestructible, but soul is destructible. Obviously then, they are not synonymous. It is clearly stated that the soul that sinneth, it shall die; but the Spirit shall return to God who gave it. Cf. Manly Palmer Hall, The Secret Teachings of all Ages, p. clv.

[18] Bible de Jerusalem, p. 1525, note a.

[19] The first of these in date for me (though not in composition) was a sermon by Paul Tillich, which appeared in his collection *The Shaking of the Foundations*, published in England in 1949. It was called 'The Depth of Existence' and it opened my eyes to the transformation that seemed to come over so much of the traditional religious symbolism, when it was transposed from the heights to the depths. God, Tillich was saying, is not a projection 'out there', an Other beyond the skies, of whose existence we have to convince ourselves, but the Ground of our very being.

The name of this infinite and inexhaustible depth and ground of all being is God. That depth is what the word God means. And if that word has not much meaning for you, translate it, and speak of the depth of our life, of the source of our being, of your ultimate concern, of what you have taken seriously without any reservation. Perhaps, in order to do so, you must forget everything traditional that you have learned about God, perhaps even that word itself. For you know that God means depth, you know much about him. You cannot call yourself an atheist or unbeliever. For you cannot think or say: Life has no depth! Life is shallow. Being itself is surface only. If you could say this in complete seriousness, you would be an atheist; but otherwise you are not. He who knows about depth, knows about God.

John A. T. Robinson, Bishop of Woolwich, *Honest to God*, The Westminster Press Philadelphia, 1963. pp. 21. 22.

[20] Emerson thought that the «highest revelation» was that God was in every person... (Paul F. Boller, Jr., *American Transcendentalism, 1830-1860*, G.P. Putnam's sons, New York, Capricorn Books, New York, 1974, p.78.

[21] Storch spoke of the mystics' belief in the indwelling of the Christ in man... Not only could the individual be united with God through his sufferings; he could become as God... (Jack Gratus, *The False Messiahs*, Taplinger Publishing company, New York, 1976. p. 93)

[22] They spoke of the light Within, or of Christ within, even of God within... In the world at large, Quaker concern early manifested itself in the alleviation of suffering and in philanthropic works.

John Dillenberger and Claude Weich, *Protestant Christianity*, Charles Scribner's sons, New York. 1954. pp. 119&121.

[23] Religion, more precisely, is the immediate apprehension of the Infinite in the finite, of the unity in the diversity. *Ib.* p.184.

[24] Xem Đại Thừa Chơn Giáo, các trang 56, 61. Cao Đài Giáo Lý, số 74, tháng Giêng. năm Nhâm Tý, tr.5. Cao Đài Giáo Lý, Kỷ niệm Rằm tháng hai, Mậu Ngọ, tr. 20.

[25] Đàn cơ Nam Thành Thánh Thất, giờ Ngọ, Mừng I, tháng Giêng, năm Kỷ Dậu. Xem Cao Đài Giáo Lý, số 91, tr. 31.

[26] Lịch sử Cao Đài, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ độ, Đồng Tân, quyển 2, Phần phổ độ, 1926-1927. Cao Hiên xuất bản. 1972. tr. 97.

[27] Autant que le Dhyana Yoga est commun à tous les Yogas, on pourrait réduire cette classification à trois, c'est-à-dire: Hatha Yoga. Lana Yoga et Raja Yoga. Chacun conduit à la perfection et au contrôle

indomptable de l'un des trois aspects de l'homme: le premier. celui de l'homme physique; le second, celui de l'homme mental: et le troisième celui de l'homme spirituel...

Le Yoga, comme un tout unifié, peut être considéré comme une méthode efficace et scientifique de développer la triple nature de l'homme par le moyen de la concentration mentale sur les diverses fonctions psycho-physiques, les pouvoirs mentaux, et les forces spirituelles expérimentées par et au moyen de l'organisme humain. (Le Yoga Tibétain et les Doctrines Secrètes, Édité par le Dr W. Y. Evans Vents, M.A.D. Litt. D.Sc. de Jesus College, Oxford- Traduction française de Marguerite la Fuente, pp. 44-45)

[28] The result, as Dante. a leading scholar puts it, is a humanism that can accept the Cosmos as a whole and yet see in MAN the horizon between God and Nature, a being utterly one and yet linked by his senses to the world of matter, by his mind to the world of thoughts and by his spirit to the world of Mystery. The Cultural Approach to History, p. 210.

[29] Il (Averrès) pensait que l'âme humaine est étroitement associée avec le cerveau et meurt avec cet organ, mais qu'il existe en l'homme un, Raison, Principe doté d'immortalité, en cultivant ce Principe, on peut s'unir à la Raison Active, à l'Intellect, agent universel et éternel...

E. Royston Pike, Dictionnaire des Religions, p. 34.

[30] Serge Hutin. Les Gnostics, Éd. PUF. p. 79.

[31] Cf. Papul. ABC Illustré de l'Occultisme, p.196.

[32] Le Mens; le corps sidéral; le corps terrestre. C'est toujours le monde divin, le monde abstrait, le monde instinctif. Le corps terrestre, fait de matière et qui doit nécessairement retourner à la matière, est porté vers les jouissances de la matière, il cherche à séduire et à corrompre, par l'attrait des plaisirs sensuels, le Mens destiné à le dominer et à le conduire, il a pour auxiliaires les passions, surtout la volupté.

Le corps sidéral est l'intermédiaire entre l'âme et le corps matériel. Il sert de lien entre le cœur, source de la vie du corps, et le cerveau, siège de la vie, de l'âme.

Le Mens, l'âme. est l'étincelle divine qui vit en nous: C'est notre guide, notre conscience, notre flambeau, pendant notre séjour sur la terre...

Desbarolles, Mystères de la main, p. 27.

[33] Cette âme (âme liquide) est le siège de notre «individualité» présente, mais elle est destinée à se dissoudre dans le Léthé comme le corps dans la Terre. L'autre âme, c'est le PNEUMA, le char de l'esprit, ainsi que l'appelait Platon, le noyau sans cesse grossi de l'immortalité de l'âme, l'embryon du corps glorieux. Raoul Auclair, Le Livre des Cycles, p. 143-144.

[34] Il n'y a de péché que lorsque l'homme agit contrairement à sa propre conscience. La loi naturelle précède la révélation surnaturelle (avant Moïse, déjà les hommes ont vécu selon Dieu. Socrate et Platon avaient plus de foi chrétienne que bien des chrétiens qui ont vécu après eux) et le Chrétien, le Juif et le philosophe qui discutent dans son dialogue, se rencontrent sous l'égide de la loi morale et de l'humanité. Paul Sander, Histoire de la Dialectique, Nagel, p. 67.

[35] Vấn quân hà sự nhất đồng đồng,

Phiền não trường trung thổ dụng công.

Mạc đạo thánh môn vô khẩu quyết,

Lương tri lưỡng tự thị Tham Đồng.

Nhân nhân tự hữu định bàn châm.

Vạn hóa căn nguyên bản tại tâm.

Khước tiểu tông tiền diên đảo kiến,

Chi chi diệp diệp ngoại đầu tầm.

Vô thanh vô xú. độc tri thì.

Thử thị Kiền Khôn vạn hữu ki,

Phao khước tự gia vô tận tạng,

Diên môn trì bát, hiện bần nhi.

P. Léon Wieger, Textes Philosophiques, Imprimerie de Hien Hien, 1930, p. 260.